

DANH MỤC KỸ THUẬT BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN MỸ SÀI GÒN
XI. BÔNG

STT	STT theo TT 43/và TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT	Phân tuyến			
			A	B	C	D
		A. ĐIỀU TRỊ BÔNG				
		3. Các kỹ thuật khác				
		1. Thay băng bông				
1	4	Thay băng điều trị vết bông từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
2	5	Thay băng điều trị vết bông dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	x
3	10	Thay băng điều trị vết bông dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
4	11	Thay băng sau phẫu thuật ghép da điều trị bông sâu	x	x	x	
5	12	Thay băng và chăm sóc vùng lấy da	x	x	x	
6	13	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bông nông	x	x	x	x
7	14	Gây mê thay băng bông	x	x	x	
		2. Phẫu thuật, thủ thuật điều trị bông				
8	15	Rạch hoại tử bông giải thoát chèn ép	x	x	x	
9	16	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bông sâu	x	x	x	x
10	18	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bông sâu từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
11	19	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bông sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
12	21	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bông sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
13	22	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bông sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
14	23	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x			
15	24	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
16	25	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
17	26	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
18	27	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu từ 1% - 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
19	28	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
20	30	Ghép da tự thân mảnh lớn từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
21	31	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
22	34	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
23	44	Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
24	46	Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
25	61	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf- krause dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bông sâu	x	x		
26	64	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín $\geq 3\%$ diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
27	66	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín $\geq 1\%$ diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
28	68	Phẫu thuật chuyển vạt da tại chỗ điều trị bông sâu	x	x		
29	72	Cắt cụt cấp cứu chi thể bông không còn khả năng bảo tồn điều trị bông sâu	x	x		
30	73	Cắt cụt chi thể bông không còn khả năng bảo tồn điều trị bông sâu	x	x		
31	74	Tháo khớp chi thể bông không còn khả năng bảo tồn điều trị bông sâu	x	x		
32	77	Khám bệnh nhân bông, chẩn đoán diện tích và độ sâu bông bằng lâm sàng	x	x	x	x
33	79	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bông nhiệt	x	x	x	x
34	80	Xử lý tại chỗ kì đầu tổn thương bông	x	x	x	x
35	81	Sơ cấp cứu bông do vôi tôi nóng	x	x	x	x
36	82	Sơ cấp cứu bông acid	x	x	x	x
37	83	Sơ cấp cứu bông do dòng điện	x	x	x	x
38	84	Chẩn đoán và điều trị sốc bông	x	x	x	
39	85	Chẩn đoán và cấp cứu bông đường hô hấp	x	x	x	
40	86	Chẩn đoán và cấp cứu bông đường tiêu hóa	x	x	x	
41	87	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bông	x	x	x	
42	88	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm bù dịch điều trị sốc bông	x	x		
43	89	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bông	x	x	x	x
44	90	Bộ lọc tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị bệnh nhân bông	x	x	x	
45	91	Theo dõi chăm sóc người bệnh bông nặng	x	x		
46	92	Nội soi hô hấp chẩn đoán và điều trị bông đường hô hấp	x			

DANH MỤC KỸ THUẬT BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN MỸ SÀI GÒN
XI. BÔNG

STT	STT theo TT 43/và TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT	Phân tuyến			
			A	B	C	D
47	93	Nội soi tiêu hóa chẩn đoán và điều trị bông tiêu hóa và các biến chứng tiêu hóa ở bệnh nhân bông nặng	x			
48	100	Hút áp lực âm (V.A.C) liên tục trong 24h điều trị vết thương, vết bông	x	x		
49	101	Hút áp lực âm (v.a.c) liên tục trong 48h điều trị vết thương, vết bông	x	x		
		B. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH, THẨM MỸ TRONG BÔNG VÀ SAU BÔNG				
50	102	Khám di chứng bông	x	x	x	
51	103	Cắt sẹo khâu kín	x	x	x	
52	104	Cắt sẹo ghép da mảnh trung bình	x	x		
53	105	Cắt sẹo ghép da dày toàn lớp kiểu wolf- krause	x	x		
54	106	Kỹ thuật đặt túi giãn da điều trị sẹo bông	x	x		
55	107	Phẫu thuật cắt sẹo, lấy bỏ túi giãn da, tạo hình ổ khuyết	x	x		
56	109	Kỹ thuật tạo vạt da có cuống mạch liên điều trị sẹo bông	x	x		
57	110	Kỹ thuật tạo vạt da “siêu mỏng” chắm cổ lưng có nối mạch vi phẫu điều trị sẹo vùng cổ-mặt	x			
58	111	Kỹ thuật tạo vạt da chữ Z điều trị sẹo bông	x	x		
59	112	Kỹ thuật tạo vạt da V-Y điều trị sẹo bông	x	x		
60	113	Sử dụng vạt 5 cánh (five flap) trong điều trị sẹo bông	x	x		
61	115	Kỹ thuật tạo vạt da tại chỗ điều trị sẹo bông	x	x		
		C. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH				
62	116	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	x	x	x	
63	117	Hút áp lực âm (V.A.C) liên tục trong 24h điều trị vết thương mạn tính	x	x		
64	118	Hút áp lực âm (V.A.C) trong 48h điều trị vết thương mạn tính	x	x		
		D. VẬT LÝ TRỊ LIỆU, PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRONG BÔNG				
65	122	Khám bệnh nhân phục hồi chức năng sau bông	x	x	x	
66	128	Tập vận động phục hồi chức năng sau bông	x	x	x	
67	130	Tập vận động cho bệnh nhân đang điều trị bông để dự phòng cứng khớp và co kéo chi thể	x	x	x	
68	131	Đặt vị thế cho bệnh nhân bông	x	x	x	
		Đ. ĐIỀU TRỊ BÔNG				
69	134	Gây mê thay băng bệnh nhân có diện tích bông từ 10 - 39% diện tích cơ thể	x	x	x	
70	135	Gây mê thay băng bệnh nhân có diện tích bông < 10% diện tích cơ thể	x	x	x	
71	137	Tắm điều trị bệnh nhân hồi sức, cấp cứu bông	x	x		
72	138	Sơ cấp cứu bệnh nhân bông do công lạnh	x	x	x	x
73	139	Sơ cấp cứu bệnh nhân bông do kiềm và các hóa chất khác	x	x	x	x
74	140	Sơ cấp cứu bệnh nhân bông do tia xạ	x	x	x	x
75	141	Nội soi hô hấp điều trị bệnh nhân thở máy	x	x	x	
76	142	Phẫu thuật cắt cuống da Ý	x	x		
		G. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH				
77	159	Cắt lọc hoại tử ổ loét vết thương mạn tính	x	x	x	
78	160	Phẫu thuật chuyển vạt da tại chỗ điều trị vết thương mạn tính	x	x		
79	161	Phẫu thuật cắt đáy ổ loét mạn tính, khâu kín	x	x	x	
80	162	Phẫu thuật ghép da mảnh điều trị vết thương mạn tính	x	x	x	
81	163	Kỹ thuật tạo vạt da có nối mạch dưới kính hiển vi phẫu thuật điều trị vết thương mạn tính	x			
82	164	Kỹ thuật sử dụng vạt da nhánh xuyên có cuống mạch liên điều trị vết thương mạn tính	x	x		
83	165	Kỹ thuật sử dụng vạt da nhánh xuyên động mạch nông trên điều trị loét cùng cụt	x	x		
84	166	Kỹ thuật tạo vạt da có cuống mạch liên điều trị vết thương mạn tính	x	x		
85	168	Kỹ thuật ghép khối mỡ tự thân điều trị vết thương mạn tính	x	x		
86	172	Kỹ thuật kéo dẫn tổ chức trong điều trị vết thương mạn tính	x	x	x	
87	174	Can thiệp mạch trong điều trị loét tĩnh mạch chi dưới	x			
88	175	Chụp mạch cản quang trong chẩn đoán hệ mạch tại chỗ vết thương mạn tính	x	x		
89	176	Kỹ thuật xoay chuyển bệnh nhân dự phòng loét tỳ đè	x	x	x	

DANH MỤC KỸ THUẬT BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN MỸ SÀI GÒN
XI. BÔNG

STT	STT theo TT 43/và TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT	Phân tuyến			
			A	B	C	D
90	178	Kỹ thuật bơm rửa liên tục trong điều trị vết thương mạn tính phức tạp	x	x	x	
91	179	Kỹ thuật đặt dẫn lưu dự phòng nhiễm khuẩn tại chỗ vết thương mạn tính	x	x	x	